

Số: 127/2023/QĐST-HNGĐ

T, ngày 03 tháng 11 năm 2023

Q ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1995; nơi thường trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện cư trú: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1994; nơi thường trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Q ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Trần Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con chung: Anh Trần Văn Q được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Trần Việt H1, sinh ngày 31/11/2018, và Trần Việt H2, sinh ngày 24/9/2020. Chị Đặng Thị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Văn Q số tiền 1.000.000đồng/01cháu/01 tháng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi cháu Huy, cháu Hoàng đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Q định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về án phí: Chị Đặng Thị N chịu 150.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu số: 0000715 ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Đặng Thị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Mâu Văn Mùi